

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56 /2017/ HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2017.

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Cao Thị Thu Hiền**

2/ Ông **Cao Thành Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham gia phiên tòa: Ông
Võ Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị **Lê Bích T**, sinh năm 1978. Có mặt*

Địa chỉ HKTT: ấp ĐB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp TH, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang T2**, sinh năm 1979. Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp ĐB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

3. Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn:

*- **Nguyễn Lê Trung Tiến Đ**, sinh ngày 27/10/2000. Vắng mặt*

*- **Nguyễn Lê Uyển N**, sinh ngày 18/10/2003. Vắng mặt*

- **Nguyễn Lê Tuấn K**, sinh ngày 10/01/2009.

Cùng địa chỉ HKTT: ấp ĐB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp TH, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Bích T trình bày:

1/Về hôn nhân: Chị T và anh T2 do quen biết, tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã TL cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền 01/2000 ngày 07/11/2000.

Sau ngày cưới chị T và anh T2 chung sống rất hạnh phúc tại ấp ĐB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn đã được cha, mẹ hai bên gia đình nhắc nhở hòa giải Nều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng giữa chị T và anh T2 đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Quang T2.

2/Về con chung:

Chị T trình bày: Giữa chị T và anh T2 chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, sinh ngày 27/10/2000; Nguyễn Lê Uyển N, sinh ngày 18/10/2003 và Nguyễn Lê Tuấn K, sinh ngày 10/01/2009 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Tiến Đ, Tuấn K và Uyển N, chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, Nguyễn Lê Uyển N, Nguyễn Lê Tuấn K đồng trình bày: Tiến Đ, Uyển N, Tuấn K là con ruột của anh Nguyễn Quang T2 và chị Lê Bích T. Sau khi cha (anh T2) và mẹ (chị T) ly hôn nguyện vọng Tiến Đ, Uyển N, Tuấn K sinh được sống với mẹ (chị T).

3/Về Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Quang T2 biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh T2 không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên toà hôm nay chị T trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T2, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con

chung Tiến Đ, Uyên N, Tuấn K, chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi 03 con chung cùng chị T.

Cháu Nguyễn Lê Tuấn K trình bày: Cha (T2) và mẹ (T) ly hôn Tuấn K có nguyện vọng được sống với mẹ (chị T).

Con chung của nguyên đơn và bị đơn: Nguyễn Lê Tiến Đ, Nguyễn Lê Uyên N vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho phía bị đơn hợp lệ, tại phiên tòa bị đơn và con chung Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, Nguyễn Lê Uyên N vắng mặt không rõ lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, Tiến Đ, Uyên N là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T2. Về con chung giao cháu 03 con chung Tiến Đ, Uyên N, Tuấn K cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về Tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang T2, Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, Nguyễn Lê Uyên N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh T2, Tiến Đ, Uyên N.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được nên sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ đã chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T2 có mâu thuẫn trầm trọng nên chị T xin ly hôn với anh T2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và giấy triệu tập tham dự phiên tòa cho anh T2 hợp lệ nhưng anh T2 không đến tham dự các phiên hòa giải, các phiên họp công khai chứng cứ, các phiên tòa mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của anh T2 đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T “ *Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015*” . Do

đó, có căn cứ xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T2 đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T2.

[3] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 03 con chung tên Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, sinh ngày 27/10/2000; Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 18/10/2003 và Nguyễn Lê Tuấn K, sinh ngày 10/01/2009. Xét thấy, anh T2 đã được Tòa thông báo về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T nhưng anh T2 không có ý kiến phản đối. Mặt khác, Tiến Đ, Uyên N, Tuấn K có nguyện vọng sau khi anh T2 và chị T ly hôn xin được sống với chị T. Do đó, cần giao 03 cháu Tiến Đ, Uyên N, Tuấn K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị T phải chịu phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 266; 267 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Bích T và anh Nguyễn Quang T2.

2/ Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Lê Trung Tiến Đ, sinh ngày 27/10/2000; Nguyễn Lê Uyên N, sinh ngày 18/10/2003 và Nguyễn Lê Tuấn K, sinh ngày 10/01/2009 cho chị Lê Bích T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quang T2 có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5/ Án phí: Chị Lê Bích T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0005647 ngày 26/5/2017, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi anh T2 cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
đã ký

Huỳnh Thị Linh

